Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 12.08.2019 15:21:51 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 283 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2019*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai, thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Nghị định số 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ

Thực hiện Kế hoạch số 137/KH-CCB, ngày 08/7/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về việc tổ chức Đoàn giám sát việc thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006, Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 30/7/2019, như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 142/2008/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

Sau hội nghị triển khai của Ban chỉ đạo 290-Bộ Quốc phòng và Quân khu 7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 572-CV/TU ngày 26/9/2008, Công văn số 3362/UBND-VXNV ngày 04/10/2008 và Công văn số 2922/VP-VXNV ngày 04/11/2008 lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông báo số 183-TB/TW ngày 03/9/2008 của Ban chấp hành Trung ương đảng và Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo 290 tỉnh có Hướng dẫn số 01/HD-BCĐ, Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 02/01/2009 để hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 07/01/2009, Ban Chỉ đạo 290 tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai cho lãnh đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở.

Sau bước triển khai của tỉnh Ban chỉ đạo 290 các huyện, thành phố tham mưu cho Cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành các văn bản có liên quan, đồng thời triển khai thực hiện đối với 95 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, Ban Chỉ đạo 290 của tỉnh thường xuyên tổ chức kiểm tra, sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 và Thông tư Liên tịch số 110/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính, về việc sửa đổi, bổ sung đối tượng được hưởng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, 03 lần tổ chức kiểm tra các huyện, thành phố, xã,

phường, thị trấn trong tỉnh nhằm nắm chắc kết quả triển khai tổ chức thực hiện, đồng thời giúp cơ sở kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Từng cấp đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên Báo, Đài, bằng những hình thức thích hợp về nội dung Quyết định 142 của Thủ tướng Chính phủ; phạm vi đối tượng áp dụng, mức hưởng, cách tính hưởng chế độ; thủ tục đăng ký, kê khai lập hồ sơ; quy trình tiếp nhận, thẩm định và tổ chức xét duyệt hồ sơ ở các cấp được thực hiện chặt chẽ, chất lượng đúng quy định. Do đó, số lượng hồ sơ gửi về trên tỉ lệ sai sót thấp.

Công tác chi trả chế độ cho đối tượng được thực hiện chặt chẽ, chu đáo. Sau khi đối tượng có quyết định hưởng chế độ và kinh phí chi trả được trên thông báo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh lập kế hoạch phân bổ kinh phí cho các huyện-thị để tổ chức chi trả cho đối tượng, bảo đảm đúng người, đúng số tiền được hưởng và thanh, quyết toán đúng quy định.

Kịp thời điều động cán bộ tăng cường cho cơ quan quân sự tỉnh, huyện đủ số lượng quy định để hỗ trợ làm công tác chính sách, ngoài biên chế hiện có, Ban Chính sách/Bộ CHQS tỉnh được tăng cường thêm 02 đồng chí, Ban Chính trị/Ban CHQS 9 huyện, thành phố được tăng cường thêm 01 đồng chí. Tổ chức hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ, nhiều đồng chí tận tuỵ, nhiệt tình công tác, có tâm huyết với nhiệm vụ, chủ động nghiên cứu các nội dung văn bản, hướng dẫn thực hiện của trên để làm tốt nhiệm vụ được phân công.

Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ được thực hiện một cách chặt chẽ, khoa học.

2. Kết quả cụ thể *(kèm theo phụ lục I)*

a) Số đã giải giải quyết chế độ

Tổng số xác lập hồ sơ, thẩm định và đề nghị giải quyết chế độ là 1.551 lượt người, trong đó:

- Trợ cấp hàng tháng 107 người.
- Trợ cấp một lần 1.436 người, tổng số tiền 7.696.100.000 đồng.

b) Số đã xác lập hồ sơ đang thẩm định các cấp

Tổng số 08 hồ sơ đang thẩm định (xã 03, huyện 02, tỉnh 03).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 62/2011/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sau hội nghị triển khai của Ban chỉ đạo 24 - Bộ Quốc phòng và Quân khu 7. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an và Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản có liên quan để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông báo số 24-TB/TW, ngày 05/5/2011 của Bộ Chính trị và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 20/4/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo 24 của tỉnh gồm 13 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, các ngành Quân sự, Công an, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh làm Phó ban, trong đó đồng chí Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm phó Ban Thường trực. Ban Chỉ đạo 24 tỉnh đã xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động và thường xuyên được kiện toàn, củng cố đúng thành phần. Từng thành viên phát huy tốt vai trò trách nhiệm trong việc phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Ngày 24/4/2012, Ban chỉ đạo tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ cho lãnh đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở.

- Sau bước triển khai của Ban Chỉ đạo 24 tỉnh, các cơ quan Quân sự, Công an, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố đã tham mưu cho Cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành các văn bản có liên quan để triển khai thực hiện ở cấp mình. Đối với xã, phường, thị trấn trong tỉnh thành lập Hội đồng chính sách theo đúng thành phần quy định và có kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ đến từng ấp, khu phố địa phương; thường xuyên thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương hơn 520 lượt .

- Thực hiện đúng quy trình kê khai lập hồ sơ, xét duyệt và thẩm định ở các cấp; kịp thời chi trả chế độ, cấp thẻ BHYT cho các đối tượng khi có quyết định của cấp có thẩm quyền chặt chẽ, đúng quy định. Quản lý hồ sơ đúng quy định, lưu trữ khoa học, dễ tra cứu và phục vụ cho việc xác minh, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng.

- Ban Chỉ đạo 24 tỉnh, huyện, thành phố thường xuyên sâu sát cơ sở, kịp thời hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ và kiểm tra công tác tiếp nhận, thẩm định, xét duyệt của Hội đồng Chính sách các xã, phường, thị trấn.

2. Kết quả thực hiện cụ thể

a) Tổng số đã có quyết định hưởng chế độ trợ cấp *(Kèm theo phụ lục II)*

- Hàng tháng là **23** đối tượng (QS = 20, CA = 03).

- Một lần là **8.874** lượt người, trong đó: Quân đội giải quyết **7.341**; Ngành LĐTBXH giải quyết **1.505**; Công an giải quyết **28**.

- Tổng kinh phí chi trả trợ cấp một lần theo các quyết định là **33.497.490.000** đồng, trong đó: Quân đội = 28.688.090.000 đồng; LĐTBXH= 4.598.900.000 đồng; CA= 210.500.000 đồng.

b) Tổng số đối tượng đã được cấp thẻ Bảo hiểm Y tế là **6.653** thẻ; số đối tượng từ trần đã được giải quyết mai táng phí là **365** đối tượng.

c) Tổng số đối tượng chưa thực hiện chế độ *(kèm theo phụ lục III)*

Tổng số đối tượng tiếp nhận, xác lập hồ sơ ở các cấp là **66** lượt đối tượng, trong đó: trợ cấp một lần là **66** đối tượng (cấp xã = 10; huyện = 10; tỉnh 46). Cụ thể:

- Đối tượng thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng giải quyết, đã tiếp nhận được ở các cấp là 34 đối tượng (Cấp xã = 10; huyện = 07; tỉnh = 17).

- Đối tượng thẩm quyền ngành LĐTBXH giải quyết là 32 đối tượng trợ cấp một lần (Cấp tỉnh = 29; cấp huyện, thành phố = 03; cấp xã, phường, thị trấn là 00).

Đánh giá chung: Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Quân khu, của Tỉnh ủy và sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương. Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, thành phố và Hội đồng chính sách xã, phường, thị trấn đã làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy - Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành các văn bản có liên quan để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Quyết định số 62/2011/QĐ/TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời làm tốt công tác thông tin, truyên truyền hướng dẫn đối tượng đăng ký, kê khai, tiếp nhận, thẩm định và tổ chức xét duyệt hồ sơ, chi trả chế độ chặt chẽ đúng đối tượng, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Quá trình triển khai

thực hiện, Ban chỉ đạo 24 tỉnh đã làm tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn 08 huyện, thành phố và 95 Hội đồng chính sách xã, phường, thị trấn để kịp thời giúp cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Tổng số đối tượng được giải quyết: Chế độ trợ cấp hàng tháng là **23/23** đối tượng theo khảo sát; chế độ trợ cấp một lần là **8.897/7.489** lượt đối tượng theo khảo sát, đạt **118,49%**. Thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm Y tế cho các đối tượng và giải quyết chế độ mai táng phí cho thân nhân của số đối tượng từ trần đảm bảo đúng quy định hiện hành.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 150/2006/QĐ-CP

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời Thông tư số 10/2007/TTLT-BLĐTBXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25/7/2007 của Liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

Triển khai thực hiện chặt chẽ từ cấp xã, phường, thị trấn đến cấp tỉnh, thực hiện đúng quy trình, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện bảo đảm đúng, đủ chế độ cho từng hội viên trong xác lập hồ sơ, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí, cụ thể:

- Cấp thẻ BHYT: 511 người, tổng số tiền 31.963.050 đồng.
- Giải quyết mai táng phí: 81 người, tổng số tiền 771.000.000 đồng.
- Đang thực hiện:

+ Bảo hiểm y tế: 511 người.

+ Mai táng phí: 01 người.

(Kèm theo phụ lục IV)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ đạo 24 tỉnh tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát thực hiện chế độ chính sách theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với các đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia và giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc còn tồn đọng ở các cấp và tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ đối với hội viên Hội Cựu chiến binh các cấp theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và Nghị định số 157/2016/NĐ-CP.

2. Biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong thời gian tới

Ban Chỉ đạo 24 tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến các chế độ, chính sách đến cho mọi người dân và đối tượng hiểu đúng ý nghĩa, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời nắm chắc quy trình, thủ tục hồ sơ đề nghị hưởng chế độ; thường xuyên chỉ đạo Ban Chỉ đạo 24 tỉnh, huyện và Hội đồng Chính

sách cấp xã kịp thời nâng cao trách nhiệm, đẩy nhanh tiến độ, thực hiện chính xác, đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định; tổ chức kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, kịp thời việc thực hiện chế độ, chính sách trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:
- TW Hội CCB Việt Nam;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Sở LĐTBXH tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Hội Cựuchiến binh tỉnh;
- Lưu: VT, VP; Phg30.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ Lục I

KẾT QUẢ

Thực hiện chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo báo cáo số 283 /BC-UBND ngày 12/ tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh)

TT	ĐƠN VỊ	TRỢ CẤP MỘT LẦN				TRỢ CẤP HÀNG THÁNG		
		Tổng số đã đề nghị	Đã có quyết định chi trả		Chưa có QĐ chi trả	Tổng số đề nghị	Đã có QĐ chi trả	Chưa có QĐ chi trả
			Tổng số	Thành tiền *(đồng)*				
1	Huyện Tân Châu	487	487	2.151.500.000		25	25	
2	Huyện Trảng Bàng	108	107	675.400.000	1	20	20	
3	Huyện Hòa Thành	49	49	279.000.000		2	2	
4	Thành phố Tây Ninh	104	104	599.500.000		15	15	
5	Huyện Tân Biên	218	218	1.309.800.000		6	6	
6	Huyện Gò Dầu	97	97	625.400.000		8	8	
7	Huyện Bến Cầu	70	70	397.000.000		7	7	
8	Huyện Châu Thành	205	203	1.148.700.000	2	13	13	
9	Huyện Dương Minh Châu	106	101	509.800.000	5	11	11	
	Tổng cộng	1.444	1.436	7.696.100.000	8	107	107	

Phụ lục II

KẾT QUẢ
Thực hiện chế độ, chính sách theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 283 /BC-UBND, ngày 12/ /8/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	ĐƠN VỊ (Huyện, thành phố)	TỔNG SỐ DỰ KIẾN *(Khảo sát)*		TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH HƯỞNG CHẾ ĐỘ								TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP THẺ BHYT	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG TỪ TRẦN ĐÃ GIẢI QUYẾT; CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
				Tổng số	Hàng tháng	Trợ cấp một lần		Đạt tỷ lệ %	Trong đó				
		Hàng tháng	Một lần			Tổng số	Số tiền (nghìn đồng)		Quân đội	UBND tỉnh	Công an		
1	Tân Châu	3	1.136	1.114	3	1.111	4.283.800	99,73	940	169	2	800	39
2	Tân Biên	1	698	787	1	786	3.013.600	112,75	721	63	2	549	37
3	Châu Thành	7	1.485	1.969	7	1.962	7.193.800	132,12	1.536	413	13	1.387	79
4	Dương Minh Châu	3	992	625	3	622	2.367.700	62,70	510	111	1	482	22
5	Hòa Thành		944	940		940	3.442.590	99,57	695	243	2	773	47
6	Trảng Bàng	2	759	977	2	975	3.737.000	128,45	855	118	2	756	43
7	Gò Dầu	2	681	875	2	873	3.443.500	128,19	779	93	1	712	34
8	Bến Cầu	1	383	780	1	779	2.759.300	203,39	725	52	2	602	30
9	TP Tây Ninh	4	589	830	4	826	3.256.200	140,23	580	243	3	592	34
Tổng số		**23**	**7.489**	**8.897**	**23**	**8.874**	**33.497.490**	**118,49**	**7.341**	**1.505**	**28**	**6.653**	**365**

Phụ lục III

TỔNG HỢP

Số lượng đối tượng chưa được giải quyết theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 2323/BC-UBND, ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG CÒN LẠI						SỐ HỒ SƠ ĐÃ LẬP ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP HIỆN CÓ Ở CÁC CẤP										DỰ KIẾN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT XONG
		Tổng số	Trợ cấp một lần	Trợ cấp hàng tháng	Trong đó			Tổng số		Cấp xã (phường)		Cấp huyện (quận)		Cấp tỉnh (T. Phố)		Cấp quân khu		
					Quân đội giải quyết	UBND tỉnh giải quyết	Công an giải quyết	Một lần	Hàng tháng	Một lần	Hàng tháng	Một lần	Hàng tháng	Một lần	Hàng tháng	Một lần	Hàng tháng	
1	Tân Châu	17	17		10	07		17		04		04		09				*Quý IV/2019*
2	Tân Biên	09	09		07	02		09		03		04		02				"
3	Châu Thành	17	15		06	11		17				02		15				"
4	Dương Minh Châu	05	05		03	02		05		03				02				"
5	Hòa Thành	06	06		04	02		06						06				"
6	Trảng Bàng	06	06		04	02		06						06				"
7	Gò Dầu																	"
8	Bến Cầu																	"
9	TP Tây Ninh	06				06		06						06				"
Tổng cộng		66	66		34	32		66		10		10		46				

Phụ lục IV

KẾT QUẢ

Thực hiện chế độ Bảo hiểm y tế, mai táng phí theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 283 /BC-UBND ,ngày 12 /8/2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Địa phương	Kết quả mua BHYT		Kết quả giải quyết MTP		Đang thực hiện *(người)*		Ghi chú
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	BHYT	MTP	
1	Tân Châu	137	8.569.350	40	375.300.000	137	01	
2	Tân Biên	102	6.380.100	9	98.000.000	102		
3	Châu Thành	64	4.003.200	14	126.900.000	64		
4	Dương Minh Châu	102	6.380.100	6	56.300.000	102		
5	Hòa Thành	11	688.050	1	11.500.000	11		
6	Trảng Bàng	22	1.376.100	3	17.200.000	22		
7	Gò Dầu	22	1.376.100	4	41.600.000	22		
8	Bến Cầu	11	688.050	4	44.200.000	11		
9	TP Tây Ninh	40	2.502.000			40		
Tổng số		**511**	**31.963.050**	**81**	**771.000.000**	**511**	**01**	